

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 3 – 2021
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Phước Tín là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 335/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt);

- Bị đơn: Anh Đặng Thanh H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Đặng Thanh H tự tìm hiểu, quen biết nhau trước và sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến chung sống nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Kể từ khi chị B và anh H chung sống nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu

thuần trong quá trình chung sống thường bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cãi thường xuyên.

Nay, chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn chung sống nhau được và chị B yêu cầu ly hôn với anh H.

- *Về nuôi con chung*: Chị B và anh H có 02 con chung tên Đặng Hân H, sinh ngày 05/02/2011 và Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 08/12/2006 (cháu H đã chết vào năm 2016). Cháu H hiện anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị B đồng ý giao cháu H cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 23/10/2020 và biên bản hòa giải ngày 12/01/2021, bị đơn anh Đặng Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày trên của chị B về quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay chị B xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị B và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không nghiêm trọng, có thể hàn gắn và chung sống lại với nhau.

- *Về nuôi con chung*: Anh H và chị B có 02 con chung tên Đặng Hân H, sinh ngày 05/02/2011 và Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 08/12/2006 (cháu H đã chết vào năm 2016). Cháu H hiện anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H cho đến khi thành niên và lao động được, không yêu cầu chị B không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Chị B và anh H chung sống như vợ chồng, do chị B và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Đặng Thanh H vắng mặt.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên*:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Đặng Thanh H đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Thanh H.

+ *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, chị B và anh H chung sống nhau như vợ chồng từ năm 2006, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Đặng Thanh H là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh H và chị B có 01 con chung tên Đặng Hân H, sinh ngày 05/02/2011, cháu H hiện anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đặng Hân H cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, lao động được và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H, chị B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn chị Nguyễn Thị B được chấp nhận, chị B chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh H không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thanh H, anh H có nơi cư trú tại tổ 3, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Đặng Thanh H đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228

Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Thanh H.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 2017, chị B và anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống.

Theo giấy xác nhận số 19/UBND/XN ngày 24/8/2020 và số 26/UBND/XN ngày 11/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc chị Nguyễn Thị B yêu cầu trích lục kết hôn bản sao cho bản thân. Qua tra cứu tàng thư sổ bộ hộ tịch tại UBND xã Vĩnh Hòa từ năm 2006 đến nay, không tìm thấy thông tin kết hôn của chị Nguyễn Thị B và anh Đặng Thanh H.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị Nguyễn Thị B và anh Đặng Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét, không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Đặng Thanh H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Anh H và chị B có 01 con chung tên Đặng Hân H, sinh ngày 05/02/2011. Cháu H hiện anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đặng Hân H cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, lao động được và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị B trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này giữa chị Nguyễn Thị B và anh Đặng Thanh H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, anh H không phải chịu án phí.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 các điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Đặng Thanh H.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Đặng Hân H cho anh Đặng Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và lao động được, chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị B trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có. Nếu sau này giữa chị Nguyễn Thị B và anh Đặng Thanh H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Thị B chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005404, ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Chị B đã nộp đủ án phí, anh H không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dãm